

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày 18/02/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tịnh

Bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS ngày 07/02/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Văn T** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh năm 1988;

Tại: Y, L, Vĩnh Phúc;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản M, thị trấn TD, huyện TD, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Đỗ Văn T1, sinh năm 1963; con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1964. Gia đình bị cáo có 02 chị, em ruột. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 13/7/2021 đến ngày 22/7/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, giao bị cáo cho UBND thị trấn TD, huyện TD, tỉnh Lai Châu quản lý theo dõi cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản M, thị trấn TD, huyện TD, tỉnh Lai Châu (có mặt).

2. Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 11/32/15 A, Phường Y, Quận TH, thành phố Hà Nội (Vắng mặt có lý do)

3. Anh Tạ Văn H2, sinh năm 1983. Nơi ĐKKHKT: D, A, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở: Số xx, P, V, N, Hà Nội. (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 13 giờ ngày 13/7/2021 Đỗ Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B1 - 600.78 đi từ xã B, huyện TD đến nhà nghỉ NM thuộc tổ XX, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Tại nhà nghỉ NM, T cùng Trần Trọng T3 sinh năm 1982 trú tại tổ XX phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu cùng nhau sử dụng ma túy bằng hình thức hít. Sử dụng ma túy xong đến khoảng 16 giờ cùng ngày Trần Trọng T3 nhét vào túi quần bên phải T đang mặc 02 túi ma túy loại Methamphetamine trong đó có 01 túi có viên màu đỏ dưới viên màu đỏ có đai gắn mép bên trong có chất tinh thể màu trắng, 01 túi nilon màu trắng buộc xoắn 1 đầu bên trong có 08 viên màu hồng và bảo T mang về nhà sử dụng. Biết đó là ma túy nên T trả lời “em xin” rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà tại bản M, thị trấn TD, trên đường đi về nhà biết đó là ma túy do sợ bị phát hiện nên T lấy 02 gói ma túy trên cất giấu vào trong túi nhỏ của túi quần bên phải đang mặc rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi đi đến đồi thông thuộc địa phận bản PP, xã BL, huyện TD, tỉnh Lai Châu thì bị đội hình sự, kinh tế, ma túy phối hợp với đội cảnh sát giao thông trật tự công an huyện TD dừng xe kiểm tra và hỏi 17 giờ 20 phút cùng ngày. Qua kiểm tra phát hiện, thu giữ ở ngăn trong cùng ngăn có khóa ví giả da màu nâu của T có 01 ống nhựa màu xanh đốt dính hai đầu bên trong là ma túy loại MDMA, thu giữ trong túi quần nhỏ bên phải T đang mặc có hai túi ma túy loại Methamphetamine trong đó có 01 túi có viên màu đỏ dưới viên màu đỏ có đai gắn mép bên trong có chất tinh thể màu trắng, 01 túi nilon màu trắng buộc xoắn 1 đầu bên trong có 08 viên màu hồng.

Tại bản kết luận giám định các số 36/KLGĐ, 37/KLGĐ cùng ngày 14/7/2021 của ông Phan Văn Huỳnh - Người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự, theo Quyết định công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc lĩnh vực kỹ thuật hình sự trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Kết luận:

08 viên nén màu hồng thu giữ của Đỗ Văn T có tổng khối lượng là: 0,87 gam (*không thấy tám mươi bảy gam*).

Số tinh thể màu trắng thu giữ của Đỗ Văn T có tổng khối lượng là: 0,11 gam (*Không thấy mười một gam*).

Số chất bột khô màu xanh thu giữ của Đỗ Văn T có khối lượng 0,05 gam (*không thấy không năm gam*).

Tại bản kết luận giám định số 619/GĐ-KTHS ngày 16/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: 01 mẫu chất bột màu xanh gửi giám định là ma túy, loại: MDMA.

Tại bản kết luận giám định số 618/GĐ-KTHS ngày 20/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: 08 mẫu viên nén màu hồng gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamin.

01 mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamin.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKSTĐ, ngày 14/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận điều tra và bản cáo trạng nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Htrình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, đen – đỏ, số máy: JF58E – 0829644, số khung: RLHJF5809EY829646, gắn biển kiểm soát 17B1 - 600.78 được mua bằng tiền của cá nhân chị Hà vào cuối năm 2019 tại thành phố L với giá 12.000.000 đồng, chị Hà không biết họ tên địa chỉ của người đã bán xe cho mình, khi mua bán không làm giấy tờ và hiện tại xe đã bị mất giấy chứng nhận đăng ký xe. Khi Đỗ Văn T lấy xe đi đâu, làm gì chị Hà hoàn toàn không biết. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe trên là của bà Phạm Thị T2 bị mất và biển kiểm soát 17B1 - 600.78 là của anh Tạ Văn H2 bị mất nên chị Hà nhất trí trả lại chiếc xe trên cho bà T2 và trả biển kiểm soát 17B1 - 600.78 cho anh H2, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T2 trình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, đen–đỏ, số máy: JF58E–0829644, số khung: RLHJF5809EY829646 bà bị mất từ hồi tháng 5/2019 tại quận HM, thành phố Hà Nội. Nay bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bà chiếc xe trên, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tạ Văn H2 trình bày: Biển kiểm soát 17B1 - 600.78 anh H2 bị mất từ tháng 5/2019 tại TV, NTL, Hà Nội, nay anh H2 chưa tìm lại được chiếc xe nên anh H2 không có yêu cầu nhận lại biển kiểm soát trên, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD giữ nguyên quan điểm truy tố của mình đồng thời phân tích, đánh giá toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 12 tháng đến 18 tháng tù, khấu trừ 09 ngày tạm giữ cho bị cáo, ấn định hình phạt tù còn lại, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đến cơ sở giam giữ để chấp hành hình phạt tù. Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo;

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì Công văn do công an huyện TD phát hành. Mặt trước phong bì ghi: “Phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, hai túi nilon màu trắng (một túi có viên đỏ ở trên mép túi, dưới viên đỏ có đai gắn mép túi, một túi buộc xoắn một đầu) gói vật chứng ban đầu thu giữ của Đỗ Văn T, sinh năm: 1988, HKTT: Bản M, TT TD, huyện TD, tỉnh Lai Châu”; Một phong bì Công văn do công an huyện TD phát hành. Mặt trước phong bì ghi: “Phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, ống nhựa màu xanh chứa vật chứng ban đầu thu giữ của Đỗ

Văn T, sinh năm: 1988, HKTT: Bản M, TT TD, huyện TD, tỉnh Lai Châu”; Một ví giả da màu nâu; Biển kiểm soát 17B1 – 600.78;

Trả lại cho bà Phạm Thị T2: Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, đen – đỏ, số máy: JF58E – 0829644, số khung: RLHJF5809EY829646.

Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm cho theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đỗ Văn T không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD.

Tại lời nói sau cùng bị cáo Đỗ Văn T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra bị cáo Đỗ Văn T đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định: Vào khoảng 17 giờ 20 phút ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại khu vực bản PP, xã BL, huyện TD, tỉnh Lai Châu, Đỗ Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép 02 túi Methamphetamin có tổng khối lượng là 0,98 gam và 01 ống MDMA có khối lượng là 0,05 gam để sử dụng cho bản thân nH2 chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TD phối hợp với đội cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện TD phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Căn cứ vào Nghị Định số 19/2018/NĐ- CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tổng khối lượng chất ma túy Đỗ Văn T tàng trữ trái phép để sử dụng là **1,03 gam** “*Một phẩy không ba gam*”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đủ khả năng nhận biết ma túy là độc dược gây nghiện, làm tổn hại cho sức khỏe, nhân phẩm của con người và là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm, nH2 vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Như vậy, đủ cơ sở để khẳng định hành vi

của bị cáo Đỗ Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố vợ là ông Bùi Văn Thắm được Nhà nước tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang năm 1969, Huy chương chiến sĩ vẻ vang năm 2016, Huy chương vì an ninh Tổ quốc năm 2016. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 0,98 gam (*không phải chín mươi tám*) Methamphetamine và 0,05 gam MDMA thu giữ của bị cáo Đỗ Văn T đã gửi đi giám định không hoàn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với một phong bì Công văn do công an huyện TD phát hành. Mặt trước phong bì ghi: “Phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, hai túi nilon màu trắng (một túi có viên đỏ ở trên mép túi, dưới viên đỏ có đai gắn mép túi, một túi buộc xoắn một đầu) gói vật chứng ban đầu thu giữ của Đỗ Văn T, sinh năm: 1988, HKTT: Bản M, TT TD, huyện TD, tỉnh Lai Châu”; một phong bì Công văn do công an huyện TD phát hành. Mặt trước phong bì ghi: “Phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, ống nhựa màu xanh chứa vật chứng ban đầu thu giữ của Đỗ Văn T, sinh năm: 1988, HKTT: Bản M, TT TD, huyện TD, tỉnh Lai Châu”; một ví giả da màu nâu là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với biển kiểm soát 17B1 – 600.78 là tài sản hợp pháp của anh Tạ Văn H2, tuy nhiên anh Tạ Văn H2 không đề nghị nhận lại và vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, đen – đỏ, số máy: JF58E – 0829644, số khung: RLHJF5809EY829646 quá trình điều tra và tại phiên

tòa xác định được chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị T2 bị mất từ tháng 5 năm 2019 tại quận HM, thành phố Hà Nội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc mua bán chiếc xe máy trên là hợp pháp. Hơn nữa, chị Hà và bị cáo Đỗ Văn T nhất trí trả lại chiếc xe trên cho bà Phạm Thị T2. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại chiếc xe trên cho bà Phạm Thị T2 là phù hợp.

[6] Những vấn đề liên quan:

- Theo lời khai của bị cáo Đỗ Văn T vào chiều ngày 13/7/2021 bị cáo T và Trần Trọng T3 sinh năm 1982 trú tại Tổ 26, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu cùng nhau sử dụng ma túy bằng hình thức hút, sử dụng xong ma túy Tài cho bị cáo 02 túi Methamphetamine để mang về sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã triệu tập, lấy lời khai của Trần Trọng Tài, đối chất giữa T và Tài. Tuy nhiên Trần Trọng T3 không thừa nhận việc cùng T sử dụng ma túy, không thừa nhận việc cho bị cáo T 02 túi Methamphetamine, ngoài lời khai của bị cáo không có chứng cứ khác để chứng minh do đó không có đủ căn cứ để xử lý đối với Trần Trọng Tài.

- Đối với người nam giới đã cho Đỗ Văn T 0,05 gam MDMA, T không nhớ tên, tuổi, địa chỉ của người nam giới này do vậy không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ để xử lý trong vụ án này.

- Đối với xe mô tô số khung: RLHJF5809EY829646 số máy: JF58E- 0829644 là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị T2 sinh năm 1964 địa chỉ 7- Tổ 51 AD, Phường YP, Quận TH, thành phố Hà Nội (nơi cư trú hiện nay: Số 11/32/15 AD, Phường YP, Quận TH, thành phố Hà Nội) bị mất từ tháng 5 năm 2019 tại quận HM, thành phố Hà Nội và biển kiểm soát 17B1 – 600.78 là tài sản hợp pháp của anh Tạ Văn H2 sinh năm 1983 trú tại Lễ Thần Đoài, T2 An, T2 Thụy, T2 Bình (nơi cư trú hiện nay: Số 36, PK, TV, NTL, Hà Nội) bị mất trộm từ tháng 5 năm 2019 tại TV, NTL, Hà Nội. Quá trình điều tra xác định vào cuối năm 2019 Nguyễn Thị H (vợ của bị cáo Đỗ Văn T) sinh năm 1993 trú tại bản M, TT. TD, huyện TD, tỉnh Lai Châu đã mua chiếc xe mô tô cùng biển kiểm soát trên của một người nam giới không quen biết tại thành phố L với giá 12.000.000 đồng. Nguyễn Thị H không biết tên, tuổi, địa chỉ của người nam giới này nên không có căn cứ để điều tra, làm rõ. Khi mua xe Hà không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không phạm tội phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Đối với Nguyễn Thị H (vợ của bị cáo Đỗ Văn T) là người đã bỏ tiền ra mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B1- 600.78. Việc bị cáo Đỗ Văn T tự ý sử dụng xe mô tô làm phương phạm tội, chị Hà không biết nên không cấu thành tội phạm.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 12 (*mười hai*) tháng tù, bị cáo được khấu trừ 09 (*chín*) ngày bị tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (*mười một*) tháng 21 (*hai mươi một*) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đến cơ sở giam giữ chấp hành hình phạt tù.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì Công văn do công an huyện TD phát hành. Mặt trước phong bì ghi: “Phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, hai túi nilon màu trắng (một túi có viên đỏ ở trên mép túi, dưới viên đỏ có đai gắn mép túi, một túi buộc xoắn một đầu) gói vật chứng ban đầu thu giữ của Đỗ Văn T, sinh năm: 1988, HKTT: Bản M, TT TD, huyện TD, tỉnh Lai Châu”; một phong bì Công văn do công an huyện TD phát hành. Mặt trước phong bì ghi: “Phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, ống nhựa màu xanh chứa vật chứng ban đầu thu giữ của Đỗ Văn T, sinh năm: 1988, HKTT: Bản M, TT TD, huyện TD, tỉnh Lai Châu”; một ví giả da màu nâu; biển kiểm soát 17B1 – 600.78.

Trả lại cho bà Phạm Thị T2: một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, đen – đỏ, số máy: JF58E – 0829644, số khung: RLHJF5809EY829646.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 14/12/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TD với Chi Cục thi hành án dân sự huyện TD*).

4. Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện TD;
- Chi Cục THADS huyện TD;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an huyện TD;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu HSVA.

Hồ Thị Tuyết